

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP  
CAO**

**TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 353/2024/HS-PT

Ngày: 31 - 7 - 2024

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Tấn Long

*Các Thẩm phán:* ông Trần Quốc Cường

ông Phạm Văn Hợp

**- Thư ký phiên tòa:** ông Lương Quang Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông Đoàn Minh Lộc, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 241/2024/TLPT-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo **Đào Công P** và các đồng phạm; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HSST ngày 10/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1265/2024/QĐXXPT-HS ngày 03 tháng 7 năm 2024.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

1- **ĐÀO CÔNG P** (tên gọi khác: không có), sinh ngày 24/02/1987 tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: **thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình**; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Đào Ngọc S** (sinh năm 1943) và bà **Nguyễn Thị M** (sinh năm 1955); có vợ là **Bùi Thị T** và 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 12/6/2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2-NGUYỄN CHÍ T1 (tên gọi khác: không có), sinh ngày 31/12/1988 tại tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: [thôn B, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh](#); chỗ ở hiện nay: [Ngõ G đường N, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng](#); nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông [Nguyễn Chí T1](#) (sinh năm 1958) và bà [Bùi Thị T2](#) (sinh năm 1959); có vợ là [Ngô Nhật C](#) và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: chưa; bị bắt tạm giam từ ngày 27/11/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3- VŨ VIỆT H (tên gọi khác: không có), sinh ngày 12/02/1990 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: [thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa](#); chỗ ở hiện nay: Căn hộ 201 [Chung cư E, đường số D Khu công nghiệp H, quận L, thành phố Đà Nẵng](#); nghề nghiệp: Công chức; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông [Vũ Trung T3](#) (sinh năm 1964) và bà [Ngô Thị C1](#) (sinh năm 1966); có vợ là [Nguyễn Thị Kim V](#) và 01 con (sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 27/11/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo [Đào Công P](#)*: Luật sư [Trần Việt C2](#) và luật sư [Nguyễn Thành S1](#), Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh N; địa chỉ: [F L H, Phường A, Quận E, thành phố Hồ Chí Minh](#); đều có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo [Nguyễn Chí T4](#)*: Luật sư [Đoàn Văn T5](#), thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: [Số C, LK D KĐT V, phường V, quận H, thành phố Hà Nội](#), có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo [Vũ Việt H](#)*: Luật sư [Lê Bảo Á](#) và luật sư [Huỳnh Q](#), thuộc Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: [B T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng](#); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm)*:

1/ Ông [Nguyễn Ngọc S2](#), sinh năm 1958; nơi cư trú: [78 T, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương](#); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tất cả các phiên tòa.

2/ Ông [Nhữ Duy T6](#), sinh năm 1970; nơi cư trú: [20 L, thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng](#); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tất cả các phiên tòa.

3/ Bà [Phạm Thị N](#), sinh năm 1974; Nơi cư trú: [Thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên](#); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- 4/ Ông **Bùi Mạnh C3**, sinh năm 1985; Nơi cư trú: **15/15/99 N, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng**; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- 5/ Bà **Nguyễn Thị M1**, sinh năm 1980; nơi cư trú: **P Chung cư R, phường G, quận L, thành phố Hà Nội**; vắng mặt.
- 6/ Ông **Đình Thanh B**, sinh năm 1986; nơi cư trú: **Chung cư F, số A L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng**; vắng mặt.
- 7/ Ông **Trịnh Hữu H1**, sinh năm 1991; nơi cư trú: **6 L, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng**; vắng mặt.
- 8/ Ông **Trịnh Hữu H2**, sinh năm 1986; nơi cư trú: **9 P, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng**; vắng mặt.
- 9/ Bà **Phan Thị Thanh T7**, sinh năm 1982; nơi cư trú: **7 Vòng V, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng**; có đơn xét xử vắng mặt.
- 10/ Ông **Võ Công B1**, sinh năm 1987; nơi cư trú: **Tổ H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng**; vắng mặt.
- 11/ Ông **Trần S3**, sinh năm 1964; nơi cư trú: **K P, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng**; có mặt.
- 12/ Ông **Nguyễn Thành S1**, sinh năm 1963; nơi cư trú: **C N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng**; có mặt.
- 13/ Ông **Cao Xuân H3**, sinh năm 1971; nơi cư trú: **07 N, tổ F, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng**; có mặt.
- 14/ Ông **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1983; nơi cư trú: **Phòng 616, khu C, đường V, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng**; vắng mặt.
- 15/ Bà **Lê Thị Mai N1**, sinh năm 1987; nơi cư trú: **Thôn H, xã N, huyện G, thành phố Hà Nội**; vắng mặt.
- 16/ Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1982; nơi cư trú: **Thôn D, xã N, huyện G, thành phố Hà Nội**; vắng mặt.
- 17/ Ông **Nguyễn Khắc T8**, sinh năm 1992; nơi cư trú: **Thôn H, xã N, huyện G, thành phố Hà Nội**; vắng mặt.
- 18/ Ông **Nguyễn Đình T9**, sinh năm 1978; nơi cư trú: **8/97/280 T, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng**; vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH T10 (gọi tắt Công ty T10), mã số doanh nghiệp: 0801313822; đăng ký lần đầu ngày 10/01/2020 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh H cấp; địa chỉ trụ sở: Số G phố T, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; do ông Nguyễn Ngọc S2 làm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật. Ngành, nghề kinh doanh chính: hoạt động dịch vụ liên quan đến vận tải...

Ngày 14/6/2020, Công ty T10 đăng ký tờ khai hải quan số 103363836661 tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu C6, khai báo hàng hóa nhập khẩu gồm 05 mặt hàng: táo sấy khô, quả mơ sấy khô, hạt điều sấy khô, củ cải sấy khô, cà rốt sấy khô. Lô hàng chứa trong 05 container (số: DFSU7552242; TCNU6551454; TSTU0521711; TSLU0513949; TSLU0541278) cấp Cảng Đ ngày 14/6/2020. Lô hàng được hệ thống phân luồng vàng. Công ty T10 giới thiệu Đào Công P thực hiện các thủ tục Hải quan nhập khẩu hàng hoá tại Chi Cục Hải quan C6.

Nghi vấn Công ty T10 nhập khẩu hàng hóa không đúng với khai báo. Ngày 18/6/2020, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C6 ban hành Quyết định số 1952/QĐ-KNCGTVPT khám xét nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hàng hóa chứa trong 05 container nêu trên.

\* Kết quả khám xét:

Trong 05 container chứa 1.824 bao tải dừa, thùng carton không đồng nhất, bên trong đựng được liệu dạng thô hoặc được cắt lát, với nhiều chủng loại khác nhau, có tổng trọng lượng là 101.610,90 kg. (Không có các loại hàng hóa theo khai báo tại tờ khai hải quan số 103363836661).

\* Tang vật tạm giữ:

- 101.610,90 kg Được liệu thô bao gồm 492 loại của Công ty TNHH T10.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro màu xanh của Đào Công P.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S của Nguyễn Chí T4.
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 9 màu đen gắn sim số 0979052239 của Vũ Việt H.
- Vận đơn số XMVNDAD20060001. Kèm theo phụ lục gồm: 05 container (táo nhân, mơ, điều, củ cải, cà rốt).
- Chi tiết hàng hoá (packing list);
- Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 27052020 ngày 27/5/2020.
- Lệnh giao hàng.

- Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn thực vật nhập khẩu ngày 15/6/2020.
- Biên bản kiểm dịch và lấy mẫu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;
- Biên bản kiểm tra an toàn thực phẩm và lấy mẫu.
- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan) số 103363836661.
- Thư xin lỗi vận chuyển sai hàng ngày 22/6/2020.
- 01 USB bên trong có 05 tập tin âm thanh và 02 tập tin video và 07 bản dịch tiếng việt.
- 01 USB bên trong có 01 tập tin âm thanh “ghi âm cuộc gọi Mỹ Trí.m4a; dung lượng: 20,2 MB; thời lượng 20 phút 50 giây và 01 bản dịch.

\* Kết quả điều tra vụ án:

**Đào Công P** làm dịch vụ thủ tục hải quan tại Hải Phòng. Vào khoảng cuối năm 2019, thông qua mối quan hệ với **Nhữ Duy Trí P1** quen biết với **Phạm Thị N**. Khoảng tháng 10/2019, **Nhữ Duy T6** đưa **Đào Công P** đến gặp trực tiếp **Phạm Thị N** tại **Cửa khẩu C** để bàn công việc làm ăn. Tại đây, **Phạm Thị N** trao đổi với **Nhữ Duy T6**, **Đào Công P** về việc có một người phụ nữ tên **O** (**N** không biết họ tên, địa chỉ cụ thể, chỉ biết là người Việt gốc **H4**, sinh sống chủ yếu tại Trung Quốc, làm nghề môi giới mua bán hàng hoá giữa các cá nhân Việt Nam - Trung Quốc), bà **O** có nhu cầu nhập khẩu mặt hàng thuốc bắc từ Trung Quốc về Việt Nam cho khách hàng nên nhờ **Phạm Thị N** tìm người làm dịch vụ nhập khẩu để giới thiệu cho bà **O**. **Phạm Thị N** hỏi **Nhữ Duy T6**, **Đào Công P** có làm được thì **Phạm Thị N** giới thiệu **Nhữ D**, **Đào Công P** cho bà **O** để làm, **Nhữ Duy T6**, **Đào Công P** đồng ý. Sau đó, **Phạm Thị N** đưa số điện thoại của bà **O** cho **Nhữ Duy T6**, **Đào Công P** và cũng trao đổi lại việc này cho bà **O** biết để **Đào Công P** và bà **O** tự liên hệ, trao đổi trực tiếp với nhau. Sau đó, giữa **Đào Công P**, bà **O** và một đối tượng ở Trung Quốc (không rõ nhân thân, lai lịch) có lập một nhóm trên mạng xã hội Wechat để trao đổi nội dung mua bán hàng hóa với nhau.

Để nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc về Việt Nam, **Đào Công P** nhờ ông **Nguyễn Ngọc S2** đứng tên thành lập **Công ty T10**. **Đào Công P** thuê dịch vụ để đăng ký thành lập doanh nghiệp và đăng ký chữ ký số cho **Công ty T10**.

Trước khi hàng nhập khẩu về **Cảng Đ** thì đối tượng ở Trung Quốc (trên nhóm **W**) gửi chứng từ nhập khẩu bản scan gồm: Hợp đồng mua bán hàng hóa, hoá đơn (invoice), chi tiết hàng hoá (packing list), vận đơn tàu biển (bill of lading) qua ứng dụng Wechat cho **Đào Công P**, trên chứng từ nhập khẩu ghi các mặt hàng nông sản khô: táo, quả mơ, hạt điều, củ cải, cà rốt. Đồng thời, bà **O** nhờ người chuyển các khoản tiền chi phí (mỗi container khoảng 100 triệu đồng) vào

tài khoản của **Phạm Thị N** (tài khoản số 108000263895 mở tại **Ngân hàng V1**), **Phạm Thị N** chuyển tiếp vào tài khoản của **Nhữ Duy T6** (tài khoản số 105006835227 mở tại **Ngân hàng V1**), sau đó **Nhữ Duy T6** chuyển tiếp vào tài khoản của **Đào Công P** (tài khoản số 105006835227 mở tại **Ngân hàng V1**). **Đào Công P** chuyển các chứng từ nhập khẩu cho **Nguyễn Chí T4** - là người làm thuê cho **P** để **Nguyễn Chí T4** mở tờ khai hải quan điện tử.

Sau đó, **Đào Công P** cùng **Nguyễn Chí T4** đi vào Đà Nẵng để thực hiện các thủ tục tại **Cảng Đ**. **Nguyễn Chí T4** liên hệ hãng tàu để nhận lệnh giao hàng. Ngày 15/6/2020, **Nguyễn Chí T4** nộp Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm cho **Chi C4** kiểm dịch thực vật vùng 3, Chi Cục phân công **Vũ Việt H** - Kiểm dịch viên thực hiện việc lấy mẫu, kiểm tra và đề xuất cấp Giấy chứng nhận. **Đào Công P** nộp Công văn số 602/20/CV-NS ngày 15/6/2020 đề nghị **Chi cục Hải quan cửa khẩu C6** cắt chì để lấy mẫu kiểm tra đối với container số TSLU0513949 (là 01/05 container nhập khẩu của **Công ty T10**). **Chi cục Hải quan cửa khẩu C6** phân công **Đinh Thanh B** - công chức **Chi Cục Hải quan cửa khẩu C6** trực tiếp thực hiện cắt seal (chì) được đóng trên container số TSLU0513949, giám sát việc lấy mẫu kiểm dịch, đóng seal (chì) mới và lập biên bản chứng nhận sự việc. Khi **Nguyễn Chí T4** đến gặp **Đinh Thanh B** để làm thủ tục mở seal (chì) thì **Đinh Thanh B** giao seal (chì) mới cho **Nguyễn Chí T4** để **Nguyễn Chí T4** tự thực hiện việc mở seal, đóng seal, **Đinh Thanh B** không thực hiện giám sát việc lấy mẫu. Sau đó, **Vũ Việt H** đến **Cảng Đ** tại khu vực để container và cùng **Nguyễn Chí T4** cắt seal, mở container để lấy mẫu kiểm dịch. Khi rạch các bao tải chứa hàng hoá trong container thì **Vũ Việt H** và **Nguyễn Chí T4** đều xác định bên trong chứa thuốc bắc chứ không phải là mặt hàng nông sản như trên chứng từ nhập khẩu. **Vũ Việt H** hỏi **Nguyễn Chí T4** lý do tại sao hàng hoá thực tế không giống như trên chứng từ thì **Nguyễn Chí T4** điện thoại cho **Đào Công P** để báo cáo tình hình, **Đào Công P** nói **Nguyễn Chí T4** xin **Vũ Việt H** tạo điều kiện bỏ qua cho. **Nguyễn Chí T4** trao đổi lại với **Vũ Việt H** để xin bỏ qua thì **Vũ Việt H** đồng ý. (**T4** đưa cho **H 01** bịch mẫu do **P** chuẩn bị trước). Sau khi kiểm tra, lấy mẫu xong thì **Nguyễn Chí T4** đóng seal (chì) lại và thông báo đã hoàn thành việc lấy mẫu kiểm dịch và cho **Đinh Thanh B** xem ảnh chụp việc đóng seal (chì) vào container thì **Đinh Thanh B** lập biên bản số 1188/BB-HC12 chứng nhận sự việc.

Sau khi về lại **C**, **Vũ Việt H** đề xuất lãnh đạo Chi Cục cấp Giấy chứng nhận đạt yêu cầu kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm với thông tin lô hàng là: nhân táo, quả mơ khô, hạt điều khô, củ cải khô và cà rốt khô. Sau đó, **Đào Công P** và **Nguyễn Chí T4** đến liên hệ Chi Cục kiểm dịch thực vật vùng 3 để nhận Giấy chứng nhận và nộp cho **Chi Cục Hải quan Cửa khẩu C6**.

Sau khi hoàn thành Biên bản chứng nhận số 1188/BB-HC12, **Đinh Thanh B** nhận thấy sai sót của mình, đồng thời có nghi vấn về lô hàng nên **Đinh Thanh B** đã báo ngay sự việc cho **Trịnh Hồng H5** - Đội trưởng Đội giám sát và kiểm soát Hải quan thuộc **Chi Cục hải quan cửa khẩu C6**. Cùng ngày, **Trịnh Hồng H5** đã ký ban hành văn bản gửi **Xí nghiệp C7** đề nghị tạm dừng giải quyết cho thông quan lô hàng, đồng thời báo cáo cho Lãnh đạo Chi Cục. Ngày 16/6/2020, **Chi cục Hải quan cửa khẩu C6** nhận được văn bản (giấy giới thiệu) của Đội Kiểm soát chống buôn lậu khu vực miền trung – Cục Điều tra chống buôn lậu đề nghị phối hợp kiểm tra thực tế hàng hóa đối với lô hàng trên. Đến ngày 18/6/2020, **Chi Cục Hải quan cửa khẩu C6** ban hành Quyết định số: 1952/QĐ-KNCGTVPT khám xét nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với lô hàng, xác định hàng hoá bên trong 05 container đều là mặt hàng dược liệu (thuốc bắc), hoàn toàn không có các loại hàng hóa theo khai báo tại tờ khai hải quan số 103363836661.

\* Theo Báo cáo Kết quả kiểm nghiệm số: 553/KNTMPTP-KNHL ngày 27/8/2020 của Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm - **Sở Y**. Kết quả phân tích, kiểm nghiệm, xác định tên hàng và chất lượng hàng hóa như sau:

Tổng số mẫu kiểm tra: 429 mẫu.

- Số mẫu đạt theo Dược điển Việt Nam V và Dược điển Trung Quốc 2015: 294 mẫu.

- Mẫu không đạt: 198 mẫu. Trong đó:

+ Mẫu không đạt về độ ẩm (mức độ 3 – phụ lục II Thông tư số 13/2018/TT-BYT Quy định về chất lượng dược liệu, thuốc cổ truyền): 46 mẫu.

+ Mẫu lẫn tạp cơ học đất đá, các bộ phận dùng khác còn sót lại hoặc kích thước dược liệu không đồng đều, vụn nát (mức độ 3, phụ lục II Thông tư số 13/2018/TT-BYT Quy định về chất lượng dược liệu, thuốc cổ truyền): 48 mẫu.

+ Mẫu không có trong các dược điển, tài liệu chính thống có tác dụng dùng để chữa bệnh: 24 mẫu.

+ Mẫu không đạt về hình thức, mô tả, cảm quan, hoặc đã bị mốc, mọt: 18 mẫu.

+ Mẫu bị nhầm lẫn (giả mạo): 12 mẫu.

+ Mẫu không đạt các chỉ tiêu (định tính, định lượng, tro, chất chiết, ...): 50 mẫu.

(Có bảng kê chi tiết kèm theo).

\* Tại Kết luận định giá tài sản số: 48/KL-HĐĐGTS ngày 06/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đà Nẵng kết luận:

| STT | Tên tài sản | Thời điểm định | Kết luận của Hội |
|-----|-------------|----------------|------------------|
|-----|-------------|----------------|------------------|

|    |                                                                                                                                                                       | giá           | đồng định giá về giá trị của tài sản                |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------------------------------------|
| 01 | 147 mặt hàng chứa trong 05 Container nhập khẩu từ nước ngoài về Việt Nam qua Cửa khẩu Cảng Đà Nẵng số DFSU7552242; TCNU6551454; TSTU0521711; TSLU0513949; TSLU0541278 | Tháng 06/2020 | 12.993.099.852                                      |
| 02 | 14 mặt hàng chứa trong 05 Container nhập khẩu từ nước ngoài về Việt Nam qua Cửa khẩu Cảng Đà Nẵng số DFSU7552242; TCNU6551454; TSTU0521711; TSLU0513949; TSLU0541278  | Tháng 06/2020 | Không có thông tin giá nên không có cơ sở định giá. |

\* Tại Kết luận giám định số 64/KL-KTHS ngày 17/01/2023 của [Phòng K Công an thành phố Đ](#) kết luận.

- Chữ ký mang tên [Vũ Việt H](#) trên tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của [Vũ Việt H](#) trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1-M5 do cùng một người ký ra.

\* Tại Kết luận giám định số 1848/KL-KTHS ngày 30/10/2023 của Phân Viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng kết luận.

- Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file ghi âm mẫu cần giám định.

- Không xác định được tiếng nói [Nhữ Duy T6](#) trong các file ghi âm mẫu cần giám định hay không do tiếng nói của người cần giám định có chất lượng kém và mẫu so sánh không phù hợp.

- Nội dung các cuộc nói chuyện trong các file ghi âm mẫu cần giám định đã được chuyển hóa thành văn bản.

Quá trình điều tra [Đào Công P](#), [Nguyễn Chí T4](#), [Vũ Việt H](#) thừa nhận hành vi đã thực hiện của mình.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HSST ngày 10-4-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Đào Công P**, **Vũ Việt H** và **Nguyễn Chí T4** phạm tội: “Buôn lậu”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 4, khoản 5 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Đào Công P** 14 (mười bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam, ngày 12 tháng 6 năm 2023.

Phạt bổ sung: 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

2.2 Căn cứ khoản 4, khoản 5 Điều 188; điểm c khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Vũ Việt H** 12 (mười hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam, ngày 27 tháng 11 năm 2023.

Phạt bổ sung: 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

2.3. Căn cứ khoản 4, khoản 5 Điều 188; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn Chí T4** 09 (chín) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam, ngày 27 tháng 11 năm 2023.

Phạt bổ sung 20.000.000 đ (hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 06-4-2024 bị cáo **Đào Công P** kháng cáo toàn bộ bản án; đề nghị xem xét việc bỏ sót người phạm tội đồng phạm trong vụ án như **Nhữ Duy T6**, **Nguyễn Ngọc S2**, **Nguyễn Mạnh C5**, **Nguyễn Thị M1**, **Đinh Thanh B**; làm rõ các côngtenno trước đó đã cho thông quan cũng là hàng buôn lậu nhưng tại sao chỉ kiểm tra 05 côngtenno cuối; bị cáo không phải là người chủ mưu, cầm đầu mà chỉ là người thực hành, làm thuê được trả tiền công.

Ngày 8-4-2024 bị cáo **Nguyễn Chí T4** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do là hình phạt quá nặng.

Ngày 09-4-2024 bị cáo **Vũ Việt H** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nêu lý do kháng cáo là bị cáo không có ý định tham gia vào vụ buôn lậu, không biết việc buôn lậu; chỉ bỏ qua khâu kiểm duyệt tạo điều kiện cho **P** và **T4** thực hiện hành vi buôn lậu, nên chỉ với vai trò giúp sức không đáng kể, bởi việc buôn lậu đã được thực hiện.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo **Đào Công P** giữ nguyên kháng cáo. Bị cáo **P** và Người bào chữa cho bị cáo cùng trình bày là thừa nhận hành vi thực hiện của bị cáo, nhưng bị cáo **P** chỉ là người thực hành theo lệnh của **Nhữ Duy T6** và **Nguyễn Ngọc S2**, khi hàng hóa qua cảng thì **P** chỉ làm thủ tục thông quan, không biết chuyển hàng cho ai và không biết người mua, **P** chỉ tham gia thực hiện một giai đoạn của vụ buôn lậu. Vụ buôn lậu này có một đường dây từ khi đi liên hệ nhập hàng từ Trung Quốc, chuyển trả tiền, thuê tàu chuyển hàng và chuyển hàng đến cho ai để bán là phải do nhiều người cùng thực hiện. Bản án sơ thẩm đã bỏ lọt tội đối với **Nhữ Duy T6**, **Nguyễn Ngọc S2**, **Phạm Thị N**, **Nguyễn Thị M1**, **Bùi Mạnh C3**, người tên **L1** ở Quảng Ninh và một số cán bộ ở Hải quan **cảng Đ**. Khi giám định để xác định có phải tiếng nói của **Nhữ Duy T6** hay không thì lại kết luận là “*không xác định được tiếng nói của Trần Văn Đ*”. 05 congtênno nhập ngày 06-5-2020 cũng giống y như 03 congtên nơ gồm 12 mặt hàng số lượng 60 tấn hàng nhập ngày 06-4-2020 nhưng hàng ngày 06-5-2020 thì bị bắt còn hàng nhập ngày 06-4-2020 thì Hải quan cho thông quan, không nộp thuế và không bị bắt xử lý. Bản án sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, do đó đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại từ đầu.

Bị cáo **Nguyễn Chí T4** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do là hình phạt quá nặng. Bị cáo **T4** thành khẩn khai báo, bị cáo thừa nhận chỉ làm giúp việc cho bị cáo **P**. Người bào chữa cho bị cáo **T4** đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xem xét lại vụ việc, trong đó cần xác định bị cáo **T4** đồng phạm nhưng với vai trò giúp sức không đáng kể.

Bị cáo **Vũ Việt H** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, công việc của bị cáo không có chức năng chống buôn lậu, mà chỉ kiểm định hàng có chất lượng an toàn thực phẩm hay không; bị cáo không có ý định tham gia vào vụ việc buôn lậu; chỉ là muốn giúp người khác, không hưởng lợi gì từ việc buôn lậu, hành vi giúp sức của bị cáo là không đáng kể, bởi hàng hóa còn phải qua thủ tục kiểm tra hải quan và đội chống buôn lậu chuyên ngành. Bị cáo nhất thời phạm tội, nên được Cơ quan xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có vai trò thấp hơn các bị cáo khác nhưng hình phạt lại cao hơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến:* Tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với kháng cáo của bị cáo **Đào Công P** quá trình điều tra đã thực hiện các thủ tục để điều tra nhưng vẫn chưa có đủ căn cứ để xác định đồng phạm; vụ án được làm rõ đến đâu thì xử lý đến đó, những hành vi khác nếu được làm rõ sẽ được

tiếp tục xử lý sau. Do bị cáo **P** nhưng không có tình tiết mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo.

Đối với kháng cáo của **Nguyễn Chí T4** và **Vũ Việt H**, do các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, hành vi vi phạm tội chỉ là giúp sức, có vai trò rất thấp, có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo **T4** và **H**.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Cơ quan điều tra, đã thực hiện đầy đủ các thủ tục điều tra, giám định và xác minh theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm không có vi phạm thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo **P** và người bào chữa cho bị cáo đề nghị triệu tập có mặt những người liên quan, tuy nhiên do đây là phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ hai, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng những người liên quan đều vắng mặt. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, lấy lời khai đối với những người liên quan này thể hiện trong Hồ sơ vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trên cơ sở nội dung vụ án, lời khai của các bị cáo, người liên quan, kết quả giám định, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xác định như sau:

Đối với **Đào Công P**: để nhập khẩu 101.610,90 kg Dược liệu thô qua **Cảng Đ**, **P** đã chỉ đạo cho **Nguyễn Chí T4** sử dụng bộ chứng từ nhập khẩu bản scan (do đối tượng ở Trung Quốc gửi) gồm: Hợp đồng mua bán hàng hóa, hoá đơn (invoice), chi tiết hàng hoá (packing list), vận đơn tàu biển (bill of lading) khai báo trên tờ khai hải quan số 103363836661 tại **Chi cục Hải quan Cửa khẩu C6** lô hàng chứa trong 05 container (số: DFSU7552242; TCNU6551454; TSTU0521711; TSLU0513949; TSLU0541278) là: táo sấy khô, quả mơ sấy khô, hạt điều sấy khô, củ cải sấy khô, cà rốt sấy khô.

Ngày 18/6/2020, **Chi cục Hải quan cửa khẩu C6** ban hành Quyết định số: 1952/QĐ-KNCGTVPT khám xét nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với lô hàng, phát hiện hàng hoá bên trong 05 container chứa 1.824 bao tải dứa, thùng carton không đồng nhất, bên trong chứa dược liệu dạng thô hoặc được cắt lát, với nhiều chủng loại khác nhau, có tổng trọng lượng là 101.610,90 kg, trị giá là 12.993.099.852 đồng, hoàn toàn không có các loại hàng

hóa theo khai báo tại tờ khai hải quan số 103363836661 ngày 14/6/2020. Hành vi của bị cáo **P** gây thất thoát số tiền thuế **Công ty T10** phải nộp cho Nhà nước là 1.344.841.749 đồng (nếu lô hàng được thông quan).

Đối với **Nguyễn Chí T4** được **Đào Công P** thuê để thực hiện một số thủ tục hải quan đối với các lô hàng thuốc bắc nhập khẩu của **Công ty N2** tờ khai hải quan số 103363836661 ngày 14/6/2020, cụ thể: mở tờ khai hải quan điện tử (dựa trên các chứng từ nhập khẩu như hoá đơn, danh sách đóng gói hàng hoá, vận đơn do **Đào Công P** gửi qua zalo cho **T4**), liên hệ hãng tàu để nhận lệnh giao hàng, liên hệ Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng III để đăng ký và tham gia cùng kiểm dịch viên để lấy mẫu kiểm dịch., chuẩn bị sẵn mẫu hàng nông sản (không phải mẫu hàng hóa **Công ty T10** kê khai làm thủ tục nhập khẩu), đưa cho **Vũ Việt H** đem về để kiểm dịch nhằm cấp giấy kiểm dịch thực vật đối với lô hàng cho **Công ty T10**, để thông quan lô hàng gây thiệt hại về thuế cho Nhà nước.

Đối với **Vũ Việt H**: ngày 15/6/2020, Lãnh đạo **Chi cục kiểm dịch thực vật vùng C8** phân công trực tiếp thực hiện việc lấy mẫu, phân tích giám định kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các lô hàng nhập khẩu của **Công ty T10** theo tờ khai hải quan số 103363836661 ngày 14/6/2020. Cùng ngày, khi tiến hành lấy mẫu kiểm dịch tại container số TSLU0513949 (là 01/05 container nhập khẩu của **Công ty T10**), **Vũ Việt H** đã phát hiện bên trong không phải là mặt hàng nông sản như trên chứng từ nhập khẩu và Giấy đăng ký kiểm dịch của **Công ty T10**. Nhưng, sau đó **H** lại nhận mẫu mà **T4** và **P** chuẩn bị sẵn trước đó, đưa về đơn vị để kiểm dịch và tham mưu cho Lãnh đạo Chi cục cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm với thông tin lô hàng là: Nhân táo, quả mơ khô, hạt điều khô, củ cải khô và cà rốt khô cho **Công ty T10**, không đúng với thực tế hàng hóa chứa trong container, tạo điều kiện cho **P** và **T4** hoàn tất thủ tục để thông quan lô hàng, gây thiệt hại về thuế cho Nhà nước.

Như vậy, **Công ty T10** không có giấy phép nhập khẩu dược liệu (thuốc bắc) do **Bộ Y1** cấp, nhưng **Đào Công P**, **Nguyễn Chí T4** đã sử dụng pháp nhân **Công ty T10** để thực hiện hành vi cố tình khai báo sai về tên hàng hóa. Tuy không có sự bàn bạc, thống nhất từ trước, nhưng **Vũ Việt H** đã tiếp nhận ý chí, có hành vi giúp sức để các đối tượng **P** và **T4** thực hiện hành vi buôn lậu, là nhập khẩu 101.610,90 kg dược liệu có trị giá 12.993.099.852 đồng, thuộc danh mục phải có giấy phép, nhằm mục đích trốn thuế với số tiền 1.344.841.749 đồng.

Do đó, hành vi của các bị cáo **Đào Công P**, **Nguyễn Chí T4** và **Vũ Việt H** đã phạm vào tội “Buôn lậu” quy định tại khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự như bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xem xét kháng cáo của bị cáo **P**.

Bị cáo **P** là người trực tiếp thực hiện các thủ tục thông quan tại Hải quan **cảng Đ** và bị bắt quả tang cùng với các tang vật, phương tiện và các tài liệu chứng cứ. Trong phạm vi của vụ án thì bị cáo **T4** là người làm thuê cho bị cáo **P**, thực hiện những công việc do bị cáo **P** giao, còn bị cáo **H** là người giúp sức; do đó bị cáo **P** là người có vai trò cao nhất trong vụ án.

Lời khai bị cáo **Đào Công P** (BL 47, BL 42-44, BL 61-62) thể hiện: sau khi nhập một số lô hàng, **P** biết chứng từ nhập khẩu là hàng nông sản, nhưng thực tế hàng hóa có mặt hàng thuốc bắc, nhưng **P** vẫn làm thủ tục để nhập khẩu các lô hàng tiếp theo của **Công ty T10** (Công ty do **Đào Công P** nhờ ông **Nguyễn Ngọc S2** đứng tên thành lập). Bản thân **P** cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về hành vi của bà **Phạm Thị N**, bà **O** có liên quan đến việc nhập khẩu lô hàng thuốc bắc.

Lời khai bà **Phạm Thị N** (BL1972-BL1978), ông **Nhữ Duy T6** (BL1928 - BL1940) thể hiện bà **N** và ông **T6** không biết là **Công ty T10** chưa được cấp giấy phép nhập khẩu thuốc bắc, nên không thể biết việc **P** khai báo trên chứng từ nhập khẩu là hàng nông sản nhưng thực tế là thuốc bắc. Lời khai ông **Nguyễn Ngọc S2** (BL 1898 – BL 1907) thể hiện cũng không biết hàng nhập thực tế là thuốc bắc, việc khai báo trên giấy tờ nhập khẩu là hàng nông sản và việc khai báo như thế nào đều do **Phú tự** thực hiện.

Như vậy, lời khai của **Đào Công P** là phù hợp với lời khai của bà **Phạm Thị N**, **Nhữ Duy T6** và **Đào Ngọc S** cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Theo Lời khai của **Nhữ Duy T6**, **Phạm Thị N**, **Nguyễn Mạnh C5** đều không biết là **Công ty T10** chưa được cấp giấy phép nhập khẩu dược liệu (thuốc bắc). Mặt khác, toàn bộ các lô hàng nhập khẩu trước đó của **Công ty T10**, cũng như các lô hàng nhập khẩu của **Công ty S4** và **Công ty L3** đó đều đã được thông quan và đưa đi tiêu thụ. Ngoài ra, tại biên bản làm việc ngày 20/12/2022, Chi cục kiểm dịch vùng III cung cấp: Đối với hồ sơ kiểm dịch thực vật hàng hóa nhập khẩu của 03 **công ty T10**, **Công ty S4** và **Công ty L3** đó trước ngày 08/6/2020 đã tiến hành tiêu hủy theo quyết định về việc tiêu hủy hồ sơ, tài liệu lưu trữ hết giá trị (sau thời hạn 01 năm phải tiến hành tiêu hủy). Do không thu giữ được hàng hoá nhập khẩu của các lô hàng trước đó, cũng như tài liệu điều tra không đủ căn cứ xác định các lô hàng này là dược liệu. Do đó, Cơ quan điều tra kết luận, đề nghị truy tố đối với lô hàng bị bắt giữ quả tang của **Công ty T10** theo tờ khai nhập khẩu ngày 14/6/2020 là đúng pháp luật; Bản án sơ thẩm xem xét đánh giá và xử lý các hành vi phạm tội đã được điều tra làm rõ là có căn cứ.

[4] Xem xét về hình phạt:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế về xuất nhập khẩu hàng hóa, có hành vi hợp thức hoá chứng từ nhập khẩu, khai báo hải quan không đúng với hàng hoá thực tế nhập khẩu nhằm mục đích trốn thuế.

Trong vụ án này, bị cáo **Đào Công P** đóng vai trò chính, nhờ người khác thành lập Công ty để nhập lậu, chỉ đạo **Nguyễn Chí T4** làm thủ tục kê khai hàng hóa không đúng thực tế, đồng thời chỉ đạo **T4** móc nối với **H**, cung cấp mẫu hàng nông sản chuẩn bị trước đó, để được cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm không đúng với thực tế hàng hóa chứa trong container để thông quan hàng hóa, nên phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

**Nguyễn Chí T4** cũng là người thực hành theo phân công của **P**, mở tờ khai hải quan điện tử; liên hệ **Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng I** để đăng ký và tham gia cùng kiểm dịch viên để lấy mẫu kiểm dịch, trực tiếp đưa hàng nông sản cho **H** do **P** chuẩn bị trước đó, để được cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm không đúng với thực tế hàng hóa chứa trong container, nên phải chịu hình phạt tương xứng.

**Vũ Việt H** giúp sức cho **P** và **T4**, để tham mưu cho Lãnh đạo Chi cục cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm không đúng với thực tế hàng hóa chứa trong container, để thông quan hàng hóa, nên chịu hình phạt tương xứng.

Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt các bị cáo như các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo **Đào Công P** có cha là ông **Đào Ngọc S** được nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, Huy chương Chiến sĩ vẻ vang.

Bị cáo **Nguyễn Chí T4** đã tích cực hợp tác với với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm nên hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bản thân bị cáo đang bị bệnh cường giáp – pasedo; gia đình có công với Cách mạng, có ông nội được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, có Cha được Nhà nước tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang, mẹ được tặng Huy chương vì sự nghiệp phát triển Nông thôn, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **T4** đã được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề.

Bị cáo **Vũ Việt H** gia đình có công với cách mạng, có nhiều người thân trong gia đình được tặng thưởng Huân chương, huy chương. Trong quá trình công tác bị cáo luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có thành tích xuất sắc trong công tác, liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến từ năm 2014 đến năm 2020; năm 2019 được Cục trưởng Cục bảo vệ thực vật tặng Giấy khen.

Bị cáo **P** và **T4** là người trực tiếp thực hiện hành vi buôn lậu, còn bị cáo **H** là người giúp sức. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **H** cung cấp được một số tình tiết giảm nhẹ mới như đã nộp số tiền 40 triệu đồng và được Ban lãnh đạo **Chi cục kiểm dịch thực vật vùng I** có đơn xác nhận luôn có thành tích xuất sắc trong công tác và xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đồng thời với vai trò của bị cáo thấp nhất trong vụ án, hàng hóa buôn lậu đã được đưa đến sân tập kết ở cảng nên tội phạm đã hoàn thành và khi đến lúc này bị cáo mới thực hiện hành vi giúp sức nên có vai trò thứ yếu; do đó nên xem xét giảm cho bị cáo **H** một phần hình phạt. Bị cáo **T4** là người thực hành, nên có vai trò cao hơn bị cáo **H**, nhưng đã được bản án sơ thẩm xử phạt 09 năm tù là đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ theo hướng có lợi cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm cả bị cáo **P** và **T4** không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo về hình phạt đối với hai bị cáo.

[5] Xem xét hành vi của những người liên quan kháng cáo khác:

Đối với **Đinh Thanh B** là người được phân công trực tiếp thực hiện cắt seal (chì) được đóng trên container số TSLU0513949, giám sát việc lấy mẫu kiểm dịch, đóng seal (chì) mới và lập biên bản chứng nhận sự việc. Nhưng **B** không trực tiếp thực hiện cắt seal (chì), giám sát việc lấy mẫu kiểm dịch, đóng seal (chì) mới mà đưa cho **Nguyễn Chí T4** thực hiện. Tuy nhiên, **B** không biết các bị cáo thực hiện hành vi buôn lậu, việc không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ của **B** không phải vì vụ lợi hay động cơ cá nhân khác. Ngay sau khi hoàn thành việc lấy mẫu, nghi vấn lô hàng có dấu hiệu vi phạm và nhận thấy sai sót của mình, đã kịp thời báo cáo sự việc cho cấp trên để tạm dừng thông quan lô hàng. Sau đó, lô hàng không được thông quan và được tiến hành kiểm tra xử lý theo quy định. Hành vi của **Đinh Thanh B** chưa gây ra hậu quả. Do đó, Cơ quan CSĐT - **Công an thành phố Đ** không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự mà đề nghị **Cục Hải quan thành phố Đ** xem xét, xử lý trách nhiệm hành chính đối với **Đinh Thanh B** là phù hợp.

Đối với **Nguyễn Ngọc S2** là người đại diện theo pháp luật của **Công ty T10** và ký các giấy tờ liên quan đến hoạt động nhập khẩu của công ty nhưng ông **S2** không biết lô hàng bị bắt giữ là thuốc bắc (giấy tờ nhập khẩu là hàng nông sản).

Theo Giấy ủy quyền ngày 20-3-2020 thì “*giám đốc Công ty T10 thuê và ủy quyền cho P là người chuyên làm dịch vụ xuất nhập khẩu, đại diện và thay mặt công ty xử lý thủ tục Hải quan nhập khẩu rau củ quả theo đúng như đơn hàng đã hợp đồng hai bên thỏa thuận hàng sắp về tận công ty mới thanh toán bên nào sai hợp đồng phải chịu trách nhiệm*”. Ông S2 không tham gia các hoạt động, nên không thể buộc ông chịu trách nhiệm về hành vi khai báo hàng hóa gian dối giữa hàng hoá thực tế nhập khẩu thuốc bắc khác với hàng hoá trên chứng từ nhập khẩu là nông sản. Kết quả điều tra chưa đủ căn cứ xác định tội phạm, nên bản án sơ thẩm không xử lý là có cơ sở.

Đối với **Nhữ Duy T6, Phạm Thị N, Nguyễn Mạnh C5**: Không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc bà N, ông T6 và ông C5 tham gia vào quá trình buôn lậu, cũng như biết có sự kê khai khác nhau giữa hàng hoá thực tế là thuốc bắc với hàng hoá theo chứng từ nhập khẩu là nông sản. Do đó, chưa đủ cơ sở để quy buộc hành vi của **Nguyễn Ngọc S2, Phạm Thị N, Nhữ Duy T6 và Nguyễn Mạnh C5** phạm tội Buôn lậu. Tuy nhiên, việc buôn lậu là một quá trình có nhiều giai đoạn và có thể thực hiện nhiều lần, mà vụ án này chỉ phát hiện và xét xử các bị cáo đang thực hiện hành vi phạm tội ở giai đoạn cuối. Do đó, cần kiến nghị với Cơ quan điều tra **Công an thành phố Đ, Chi cục Hải quan cửa khẩu C6** và Đội kiểm soát chống buôn lậu khu vực M tiếp tục có biện pháp theo dõi, xác minh và điều tra nhằm xử lý triệt để các đối tượng tổ chức, tham gia thực hiện hành vi buôn lậu và ngăn chặn kịp thời hành vi buôn lậu tiếp diễn.

Đối với đối tượng tên O và đối tượng ở Trung Quốc (không rõ nhân thân, lai lịch): tham gia nhập khẩu dược liệu về Việt Nam, Cơ quan CSĐT - **Công an thành phố Đ** tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[6] Về một số vấn đề khác:

Đối với các lô hàng mà **Công ty T10** nhập khẩu trước đó (05 lô hàng gồm 16 container): Các lô hàng này đã được thông quan, Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với các lái xe và doanh nghiệp vận tải các lô hàng nhập khẩu ra khỏi **Cảng Đ** nhưng không xác định ai là người thuê vận chuyển, vận chuyển đến giao cho người nào, tại đâu vì hợp đồng, chứng từ thanh toán phí vận chuyển không còn lưu giữ, do đó không có cơ sở xử lý.

Đối với Biên lai nộp tiền 40.000.000 đồng của bị cáo H theo Biên lai thu số 0000365 ngày 27-6-2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng được khấu trừ vào tiền phạt bổ sung của bị cáo H theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm, bị cáo đã nộp đủ tiền phạt. Do bị cáo H đã nộp đủ tiền phạt nên không

cần phải tiếp tục quy trữ để thi hành án dân sự chiếc điện thoại Samsung Note 9 màu đen gắn sim số 0979052239.

Về án phí hình sự phúc thẩm bị cáo **Đào Công P** phải chịu là 200.000 đồng, bị cáo **Nguyễn Chí T4** phải chịu là 200.000 đồng, bị cáo **Vũ Việt H** không phải chịu.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Đào Công P**, **Nguyễn Chí T4**; chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Vũ Việt H**, sửa một phần của Bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo **Vũ Việt H**.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 4, khoản 5 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Đào Công P** 14 (mười bốn) năm tù về tội “Buôn lậu”; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam, ngày 12 tháng 6 năm 2023.

Phạt bổ sung: 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

2.2. Căn cứ khoản 4, khoản 5 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 điểm c khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **V** (mười) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam, ngày 27 tháng 11 năm 2023.

Phạt bổ sung: 40.000.000đ (đã nộp theo Biên lai thu số 0000365 ngày 27-6-2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng).

2.3. Căn cứ khoản 4, khoản 5 Điều 188; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **N** (chín) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam, ngày 27 tháng 11 năm 2023.

Phạt bổ sung 20.000.000 đ (hai mươi triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng: trả lại cho **Vũ Việt H** chiếc điện thoại Samsung Note 9 màu đen gắn sim số 0979052239.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo **P** và **T4** phải chịu mỗi bị cáo là 200.000 đồng; bị cáo **H** không phải chịu.

5. Các quyết định khác còn lại của bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị; việc thi hành án được thực hiện theo bản án sơ thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC  
THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Nguyễn Tấn Long**

